

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/DS-ST

Ngày: 15/5/2018

V/v: “Tranh chấp chia tài sản sau ly hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, TP CẦN THƠ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông **Phương Văn Chính**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phan Văn Thiện**

2. Bà **Hồ Quốc Trung**

Thư ký phiên toà: Bà **Hồ Thị Thu Hiền**- Thư ký Tòa án nhân dân Quận Ô Môn, TP Cần Thơ.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn tham gia phiên toà: Ông **Nguyễn Ngọc Phổ** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Ô Môn tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 314/2017/TLST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2017 về việc “*Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/4/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Đặng Kim B**, sinh năm 1975;

Địa chỉ: khu vực BL, phường PT, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Luật sư **Nguyễn Thanh C** - Công ty Luật BA - Đoàn luật sư TP Cần Thơ.

Bị đơn: Ông **Hồ Huy H**, sinh năm 1968.

Địa chỉ: khu vực BL, phường PT, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo ủy quyền: Anh **Nguyễn Minh T**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: số 10, tổ 72, khu vực V, phường HP, quận Cái Răng, TP Cần Thơ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà **Hà Th**, sinh năm 1976 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: khu vực BL, phường PT, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình thu thập chứng cứ nguyên đơn bà Trần Đặng Kim B trình bày: Bà và ông Hồ Huy H là vợ chồng chung sống từ năm 1995, quá trình chung sống có 02 con chung. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2013 phát sinh mâu thuẫn và hai bên quyết định ly hôn và được Tòa án nhân dân quận Ô Môn ra quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 21/2016/QĐST-HNGĐ ngày 15/02/2016 công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự. Trong quyết định này thì phần tài sản hai bên tự thống nhất thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tuy Nên, sau khi ly hôn hai bên không thỏa thuận phân chia tài sản chung được. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung là căn nhà cấp 4 có diện tích 100 m² và phần đất có diện tích 379 m² thuộc thửa đất 1000, tờ bản đồ số 9, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H01957 do ông Hồ Huy H đứng tên, đất tọa lạc tại khu vực BL, phường PT, quận Ô Môn, TP Cần Thơ. Nhà đất thì bà B đồng ý giao lại cho anh Hồ Huy H và yêu cầu anh H bồi lại giá trị đất tính theo giá thị trường là 2.000.000 đồng/1 m², còn về giá trị căn nhà và cây trồng trên đất thì yêu cầu ông H trả ½ giá trị theo như biên bản định giá ngày 03/01/2018 của Hội đồng định giá.

Đại diện Bị đơn ông Nguyễn Minh T trình bày: Tại đơn phản tố ngày 26/12/2017, ông Hồ Huy H không đồng ý chia phần đất diện tích 379 m², thuộc thửa đất 1000, tờ bản đồ số 9, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H01957 do ông Hồ Huy H đứng tên, đất tọa lạc tại khu vực BL, phường PT, quận Ô Môn, TP Cần Thơ vì cho rằng đây là đất do cha mẹ ruột của ông tặng cho riêng ông theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 10/9/2005.

Đối với căn nhà cấp 4 xây dựng trên đất, ông H đồng ý chia đôi ½ giá trị căn nhà cho bà B như biên bản định giá ngày 03/01/2018 của Hội đồng định giá.

Đối với số nợ chung 120.000.000 đồng vay Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín- Chi nhánh Cần Thơ- Phòng giao dịch quận Ô Môn: vào ngày 15/02/2016 Tòa án nhân dân quận Ô Môn ra Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, tại thời điểm này vẫn nợ số tiền trên. Đến ngày 24/3/2016 tức là thời điểm ly hôn, đến hạn trả nợ ngân hàng nên ông phải bỏ ra số tiền 140.321.618 đồng (gồm nợ gốc và lãi suất) để trả nợ cho Ngân hàng. Nay yêu cầu bà B có trách Nệm trả lại số tiền 70.160.809 đồng và tiền lãi từ ngày 25/3/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm là theo mức lãi suất là 0.75%/1 tháng.

Ngày 24/3/2016, bà B tự ý sử dụng thẻ Visa card của Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín- Chi nhánh Cần Thơ- Phòng giao dịch quận Ô Môn để rút số tiền 7.573.703 đồng sử dụng cá nhân và ông H phải tự bỏ tiền ra để trả nợ thay bà B. Do đó, yêu cầu bà B có nghĩa vụ trả lại cho ông H số tiền này.

Ngoài ra vợ chồng ông còn nợ bà Nguyễn Thị Kiều N số tiền 60 triệu đồng. Ngày 24/3/2016 ông H đã đứng ra trả nợ cho bà N (có kèm theo biên nhận xác nhận trả nợ của bà N), yêu cầu buộc bà B phải trả lại số nợ 30 triệu đồng này cho ông H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Bà Hà Th: Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/3/2018, Bà Thẩm cho biết bà có thuê nhà của ông H, tiền thuê nhà là 1.200.000 đồng/1 tháng. Đối với tranh chấp giữa ông H và bà B, bà không có ý kiến gì hết vì bà thuê nhà không thỏa thuận thời gian hết hạn thuê nếu cho thuê thì bà sẽ tiếp tục thuê, không cho thuê thì bà sẽ dọn đi, tuy Nên phải báo trước cho bà một khoảng thời gian hợp lý từ 3,4 tháng để sắp xếp. Ngoài ra do công việc bận rộn làm ăn nên xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Luật sư C trình bày quan điểm: Đề nghị nghị nhận sự tự nguyện của các đương sự về số tiền vay Ngân hàng, tiền nợ bà N và số tiền 7.573.703 đồng từ việc sử dụng thẻ Visa theo biên bản hòa giải ngày 16/4/2018.

Giữa nguyên đơn và bị đơn còn tranh chấp về việc thửa đất số 1000, diện tích 379m² là tài sản chung hay tài sản riêng. Theo quy định của pháp luật thì thửa đất này ông H được nhận chuyển nhượng từ ông Th, trong quá trình chuyển nhượng thì ông H và bà B là vợ chồng nên phần đất này là tài sản chung của vợ chồng, bà B có công sức đóng góp tạo lập được tài sản là thửa đất này. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ giá trị đất tại thửa 1000, tờ bản đồ số 9, diện tích 379m². Đất tọa lạc tại khu vực BL, phường PT, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn phát biểu quan điểm: việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự về số tiền vay Ngân hàng, tiền nợ bà N và số tiền 7.573.703 đồng từ việc sử dụng thẻ Visa theo biên bản hòa giải ngày 16/4/2018.

Về thửa đất số 1000, diện tích 379m² theo các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì thửa đất số 1000 ông H được cha ông tặng cho vào năm 2005, đến năm 2006 thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong hợp đồng không có tên của bà B.

Từ đó cho thấy thửa đất số 1000 là tài sản riêng của ông H. Do đó, Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 163, 164 Bộ luật dân sự, Điều 33, 62 Luật hôn nhân và gia đình tuyên xử bác yêu cầu khởi kiện của bà B về việc chia $\frac{1}{2}$ giá trị đất 1000, có diện tích 379m². Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp*: Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ có trong hồ sơ cho thấy tranh chấp giữa các đương sự là “*Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn*” giữa cá nhân với cá nhân. Tranh chấp này được Bộ luật dân sự điều chỉnh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về tố tụng*: người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hà Th có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227; Điều 228 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt bà Thẩm là đúng quy định pháp luật.

[3] *Về nội dung*: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà B cho rằng năm 1995 bà và ông H kết hôn, năm 2016 thì ly hôn. Trong quá trình chung sống, có tài sản chung là diện tích 379 m² đất, thửa số 1000, tờ bản đồ số 09, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H01957 do ông Hồ Huy H đứng tên, đất tọa lạc tại khu vực BL, phường PT, quận Ô Môn, TP Cần Thơ và căn nhà cấp 4 diện tích 100 m² trên thửa đất này. Nay bà yêu cầu được chia đôi $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà theo biên bản định giá ngày 03/01/2018 của Hội đồng định giá và chia đôi $\frac{1}{2}$ giá trị đất theo mức giá 2.000.000 đồng/1 m² cụ thể phần đất: $2.000.000 \text{ đồng/m}^2 \times 379/2 = 379.000.000 \text{ đồng}$.

Đối với yêu cầu của bà B, căn cứ hồ sơ địa chính do chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai quận Ô Môn cung cấp, thể hiện tại hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 10/9/2005, nguồn gốc phần diện tích đất nói trên do cha ông H (ông Hồ Huy Thanh) tặng cho ông H, đây là hợp đồng tặng cho riêng đối với ông H, ngoài ra bà B cũng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, không có chứng cứ thể hiện là tài sản chung trong quá trình hôn nhân. Do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B.

Về phần căn nhà cấp 4 có diện tích 100 m², bà B và ông H thống nhất chia $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà theo biên bản định giá ngày 03/01/2018 của Hội đồng định giá. Cụ thể: nhà chính có giá trị là 10.819.900 đồng, nhà sau giá trị là 45.795.000 đồng, mái che có giá trị 850.000 đồng. Tổng cộng 57.464.000 đồng. Chia hai mỗi người 28.732.000 đồng, ông H sử dụng căn nhà nên thôi lại cho bà B số tiền 28.732.000 đồng.

Về cây trồng trên đất: tại phiên tòa hôm nay các đương sự thống nhất cây là cha mẹ ông H lúc còn sống trồng nên không yêu cầu chia nên Hội đồng xét xử không đặc ra xem xét.

Đối với số nợ chung 120.000.000 đồng vay Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Cần Thơ - Phòng giao dịch quận Ô Môn: bà B thống nhất ông H có trả số tiền 140.321.618 đồng cho phía Ngân hàng nên bà B đồng ý giao trả lại cho ông H số tiền 70.160.809 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự.

Đối với số tiền 7.573.703 đồng bà B sử dụng thẻ Visa card của Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín- Chi nhánh Cần Thơ- Phòng giao dịch quận Ô Môn để rút sử dụng.

Tại phiên tòa hôm nay bà B đồng ý trả cho ông H $\frac{1}{2}$ số tiền là 3.786.851 đồng và được người đại diện ông H đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự.

Đối với số tiền nợ bà Nguyễn Thị Kiều N số tiền 60.000.000 đồng ngày 24/3/2016 ông H đã trả nợ cho bà N (có kèm theo biên nhận xác nhận trả nợ của bà N), yêu cầu buộc bà B phải trả lại cho ông 30.000.000 đồng. Bà B thống nhất ông H có trả số tiền 60.000.000 đồng bà N nên bà B đồng ý giao trả lại cho ông H số tiền 30.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự.

Đối với số tiền lãi trên số tiền 70.160.809 đồng ông H đã trả cho Ngân hàng nên ông yêu cầu bà B lại cho ông tính từ ngày 25/3/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm là theo mức lãi suất là 0.75%/1 tháng. Hội đồng xét xử xét thấy bà B thừa nhận số tiền trên là do ông H trả cho phía Ngân hàng, do đó bà phải chịu lãi suất đối với số tiền này như yêu cầu của ông H là phù hợp.

Cụ thể từ ngày 25/3/2016 đến nay là 25 tháng 20 ngày được tính như sau:

$70.160.809 \text{ đồng} \times 0.75\% \times 25 \text{ tháng}, 20 \text{ ngày} = 13.505.800 \text{ đồng}.$

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] *Chi phí đo đạc, thẩm định và trích đo địa chính*: các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 157; 158; 227; 228; 271 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Điều 33; 62 Luật hôn nhân gia đình 2014.

Điều 280; 288 Bộ luật dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Đặng Kim B về việc buộc bị đơn ông Hồ Huy H phải trả $\frac{1}{2}$ giá trị diện tích 379 m² đất thuộc thửa đất 1000, tờ bản đồ số 9, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H01957 do ông Hồ Huy H, đất tọa lạc tại khu vực BL, phường PT, quận Ô Môn, TP Cần Thơ là 379.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi chín triệu đồng).

2. Buộc bà Trần Đặng Kim B phải trả cho ông Hồ Huy H 13.505.800 đồng (Mười ba triệu năm trăm lẻ năm ngàn tám trăm đồng).

3. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Bà Trần Đăng Kim B phải trả số tiền 70.160.809 đồng (Bảy mươi triệu một trăm sáu mươi ngàn tám trăm lẻ chín đồng) cho ông Hồ Huy H.

Bà Trần Đăng Kim B phải trả số tiền 30.000.000 đồng (Ba chục triệu đồng) cho ông Hồ Huy H.

Bà Trần Đăng Kim B phải trả số tiền 3.786.815 đồng (Ba triệu bảy trăm tám mươi sáu ngàn tám trăm mười lăm đồng) cho ông Hồ Huy H.

Ông Hồ Huy H phải trả số tiền 28.732.000 đồng (Hai mươi tám triệu bảy trăm ba mươi hai ngàn đồng) cho bà Trần Đăng Kim B.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu bị đơn chậm trả số tiền trên cho nguyên đơn thì bị đơn còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Trần Đăng Kim B phải nộp 23.858.000 đồng (Hai mươi ba triệu tám trăm năm mươi tám ngàn đồng). Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí, lệ phí bà B đã nộp theo biên lai thu số 001554 ngày 08/11/2017 bà B phải nộp thêm 16.358.000 đồng (Mười sáu triệu ba trăm năm mươi tám ngàn đồng).

- Buộc ông Hồ Huy H phải nộp 1.436.600 đồng (Một triệu bốn trăm ba mươi sáu ngàn sáu trăm đồng). Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí lệ phí ông H đã nộp theo biên lai thu số 001657 ngày 26/12/2017 ông H được nhận lại 1.553.400 đồng (Một triệu năm trăm năm mươi ba ngàn bốn trăm đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ô Môn.

Chi phí thẩm định, định giá tài sản và lệ phí trích đo địa chính: Buộc ông Hồ Huy H trả lại cho bà Trần Đăng Kim B 2.126.500 đồng (Hai triệu một trăm hai mươi sáu ngàn năm trăm đồng) (Bà B đã tạm ứng và chi xong).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết), để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA